

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 12 năm 2018, với mã số doanh nghiệp cấp lại là 0102556300 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch tiếng Anh: Education Financial Investment Joint Stock Company.

Tên viết tắt: EFI., JSC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang Giao dịch tại Sàn Chứng khoán Upcom. Mã cổ phiếu: EFI, Cổ phiếu của Công ty bị hạn chế giao dịch, chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tầng 7 Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Thành Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tài Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/4/2019
Bà Lê Phương Mai	Thành viên	
Bà Lê Ngọc	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên	
Bà Dương Việt Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/4/2019

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính:

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tài Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Đào Đức Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Hồng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2019

### SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng, bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



**Nguyễn Tài Tùng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Số. 169/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, được lập ngày 09/03/2020, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2019 là 5.700.000.000 đồng, chúng tôi không thể thu thập được hồ sơ chứng minh khoản tiền gửi kỳ hạn này là hiện hữu. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản tiền gửi có kỳ hạn này cũng như những ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Chúng tôi không thể thu thập hồ sơ chứng minh khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác số 001/2017/HTKD/EFI-A&TCORP đang được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, với số tiền là 4.500.000.000 đồng là hiện hữu. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản đầu tư này cũng như những ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Như đã trình bày tại mục 5.6 – Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Khoản phải thu của Bùi Văn Dũng và Nguyễn Văn Ngọc tại ngày 31/12/2019 đang trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty số tiền lần lượt là 78.433.505.050 đồng và 3.800.418.000 đồng, chiếm hơn 92% tài sản thuần của Công ty hiện đang trong quá trình điều tra của cơ quan pháp luật về vụ án liên quan chưa có kết luận. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến về khoản phải thu nêu trên và ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019.



A blue handwritten signature.

---

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

---

**Nguyễn Ngọc Khánh****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37.720.489.378</b>	<b>37.541.946.334</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>9.323.950.674</b>	<b>12.132.020.798</b>
1. Tiền	111		3.623.950.674	4.882.020.798
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.700.000.000	7.250.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>13.677.668.675</b>	<b>9.127.668.675</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.369.115.236	9.369.115.236
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(241.446.561)	(241.446.561)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.550.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.486.278.694</b>	<b>15.997.117.920</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.459.622.628	3.343.381.702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	-	106.319.713
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.400.000.000	3.900.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	88.456.056.434	88.476.816.873
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(79.829.400.368)	(79.829.400.368)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>7.727.273</b>	<b>26.377.273</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.727.273	26.377.273
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>224.864.062</b>	<b>258.761.668</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	41.155.959
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	224.864.062	217.605.709
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>51.620.096.197</b>	<b>51.764.666.525</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.107.011.006</b>	<b>3.274.498.129</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	977.011.006	1.144.498.129
- Nguyên giá	222		1.339.900.245	1.926.934.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(362.889.239)	(782.436.396)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	2.130.000.000	2.130.000.000
- Nguyên giá	228		2.160.000.000	2.160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>48.474.799.999</b>	<b>48.474.799.999</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		42.863.324.999	42.863.324.999
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(388.525.000)	(388.525.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>38.285.192</b>	<b>15.368.397</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	38.285.192	15.368.397
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>89.340.585.575</b>	<b>89.306.612.859</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.140.710.143</b>	<b>2.017.008.767</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.140.710.143</b>	<b>2.017.008.767</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	605.976.339	745.524.073
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	21.257.610	208.491.196
3. Phải trả người lao động	314		351.868.003	552.268.521
4. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		319.633.324	319.633.324
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.132.024.104	170.240.890
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	-	200.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(290.049.237)	(179.149.237)
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>87.199.875.432</b>	<b>87.289.604.092</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>87.199.875.432</b>	<b>87.289.604.092</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.800.000.000	108.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.800.000.000	108.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.454.653.077	31.454.653.077
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.326.196.908	5.326.196.908
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		(133.049.012)	(133.049.012)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(58.247.925.541)	(58.158.196.881)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(58.158.196.881)	(58.434.706.644)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(89.728.660)	276.509.763
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>89.340.585.575</b>	<b>89.306.612.859</b>

Lập biểu



Lê Thị Vân

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tài Tùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	7.122.560.000	7.334.318.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		7.122.560.000	7.334.318.182
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	7.134.288.933	6.890.171.104
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(11.728.933)	444.147.078
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	1.800.363.123	1.980.718.349
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	2.274.175.063	2.135.851.391
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(485.540.873)	289.014.036
11. Thu nhập khác	31	5.22	410.909.091	-
12. Chi phí khác	32	5.22	15.096.878	12.513.769
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		395.812.213	(12.513.769)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(89.728.660)	276.500.267
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(89.728.660)	276.500.267
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		-	-

Lập biểu



Lê Thị Vân

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tài Tùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(89.728.660)	276.500.267
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	167.487.123	167.487.528
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.011.272.214)	(1.980.718.349)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.933.513.751)	(1.536.730.554)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.544.736.832	819.321.743
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	18.650.000	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	439.543.189	1.279.800.821
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(22.916.795)	60.799.430
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(4.550.000.000)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(115.841.813)	(115.841.813)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(4.619.342.338)</b>	<b>507.349.627</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.479.473.185)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.011.272.214	1.980.718.349
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>2.011.272.214</b>	<b>501.245.164</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(200.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(200.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>(2.808.070.124)</b>	<b>1.008.594.791</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>12.132.020.798</b>	<b>11.123.426.007</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>9.323.950.674</b>	<b>12.132.020.798</b>

Lập biểu



Lê Thị Vân

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tài Tùng

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 12 năm 2018, với mã số doanh nghiệp cấp lại là 0102556300 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch tiếng Anh: Education Financial Investment Joint Stock Company.

Tên viết tắt: EFI, JSC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang Giao dịch tại Sàn Chứng khoán Upcom . Mã cổ phiếu: EFI; Cổ phiếu của Công ty bị hạn chế giao dịch, chỉ được giao dịch vào ngày thứ sáu hàng tuần.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo đăng ký Doanh nghiệp, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính), tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện mua bán doanh nghiệp, dịch vụ tư vấn đầu tư dự án; Hoạt động tư vấn quản lý, Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường, (không bao gồm hoạt động điều tra và các hoạt động Nhà nước cấm); Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng trường học các cấp, xây dựng cao ốc, xây dựng các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: cung cấp các sản phẩm phục vụ việc giảng dạy trong nhà trường, kinh doanh giấy; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, chi tiết: Dịch vụ vệ sinh học đường; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết: Tổ chức hội nghị hội thảo; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke); Điều hành tua du lịch, chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch, chi tiết: Các dịch vụ phục vụ khách du lịch ( đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động của Công ty trong năm là: Dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, cho các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn và đầu tư chứng khoán.

#### 1.3. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có công ty con sau:

Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản EFI.

Ngành nghề kinh doanh: Môi giới bất động sản, Dịch vụ quản lý tòa nhà.

Tỉ lệ sở hữu vốn: 100%

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

### 1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và ghi sổ bằng máy vi tính

### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

#### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển  
Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm Báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn; theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính.

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Được trích lập cho từng mã chứng khoán, dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về quản lý tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Năm 2019**  
**(số năm)**

Phương tiện vận tải truyền dẫn

08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính và tài sản khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình Công ty ghi nhận Giá trị TSCĐ Vô Hình là phần mềm chương trình “Shapping the way teach English” nhưng hiện nay chưa đưa vào sử dụng, do đó không trích khấu hao.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là công ty mà Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty này.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa công ty con và Công ty được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách của công ty con cũng có thể được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với chính sách kế toán của Công ty áp dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê kho, bến bãi) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**Nguyên tắc ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	37.401.172	27.692.285
Tiền gửi ngân hàng	3.586.549.502	4.854.328.513
Các khoản tương đương tiền (*)	5.700.000.000	7.250.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	5.700.000.000	7.250.000.000
<b>Tổng</b>	<b>9.323.950.674</b>	<b>12.132.020.798</b>

(\*) Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty trình bày khoản tiền gửi kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam thịnh vượng (VP Bank) số tiền 5.700.000.000 đồng; Tuy nhiên, Kiểm tra hoạt động giao dịch của Công ty tại Ngân hàng (VP Bank), Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục không có khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn nào tại Ngân hàng này, và cũng không phát sinh giao dịch với Ngân hàng này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

**a. Tiền gửi có kỳ hạn**

	31/12/2019		01/01/2019		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	
<b>Ngắn hạn</b>					
- Tiền gửi có kỳ hạn	4.550.000.000	4.550.000.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>4.550.000.000</b>	<b>4.550.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**b. Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị hợp lý
Công ty CP Kỹ nghệ Đồ Thành (DTT)	127.840	108.000	(19.840)	127.840	108.000	(19.840)
Công ty CP Đầu tư & PT giáo dục HN (EID)	8.936.366.829	10.614.646.000	-	8.936.366.829	10.614.646.000	-
Công ty CP Hàng Hải Hà Nội (MHC)	95.360	68.000	(27.360)	95.360	68.000	(27.360)
Công ty CP vận tải xăng dầu VITACO (VTO)	67.955	52.500	(15.455)	67.955	52.500	(15.455)
Công ty CP Licogi 13 (LIG)	340.983.906	121.800.000	(219.183.906)	340.983.906	121.800.000	(219.183.906)
Công ty CP Phát triển giáo dục Đà Nẵng (DAD)	-	-	-	-	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (NBE)	69.013.500	(*)	(22.200.000)	69.013.500	(*)	(22.200.000)
Công ty CP ĐT&PT Văn Lang (VLA)	22.459.846	26.600.000	-	22.459.846	24.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>9.369.115.236</b>	<b>10.763.274.500</b>	<b>(241.446.561)</b>	<b>9.369.115.236</b>	<b>10.760.674.500</b>	<b>(241.446.561)</b>

(\*): Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính mà chỉ trình bày theo giá trị ghi sổ. Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	166.801.160	181.897.538
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát	495.895.318	495.895.318
Công ty CP Chứng khoán Alpha	35.285.451	553.848.563
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	985.645.700	985.645.700
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	647.328.000	847.000.000
Các đối tượng khác	128.666.999	279.094.583
<b>Tổng</b>	<b>2.459.622.628</b>	<b>3.343.381.702</b>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty bảo hiểm BIDV Hà Nội (BIC) Hà Nội	-	15.281.200
Khách hàng khác	-	91.038.513
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>106.319.713</b>

5.5 Phải thu cho vay ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà	900.000.000	900.000.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục và Công nghệ Việt Nam	2.500.000.000	3.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>3.400.000.000</b>	<b>3.900.000.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	88.456.056.434	78.433.505.050	88.476.816.873	-
<i>Phải thu khác</i>	88.452.056.434	78.433.505.050	88.469.816.873	-
Phải thu hợp tác đầu tư (*)	1.534.150.000	-	1.534.150.000	-
Phải thu hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác số 001/2017/HTKD/EFI-A&TCORP (**)	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
Dự án Cầu Giấy	75.000.000	-	75.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (Cổ tức)	42.000.000	-	42.000.000	-
Bùi Văn Dũng (***)	78.433.505.050	78.433.505.050	78.433.505.050	-
Nguyễn Văn Ngọc (***)	3.800.418.000	-	3.800.418.000	-
BHXH nộp quá	1.229.959	-	36.691.091	-
Kinh phí công đoàn nộp quá	-	-	9.579.124	-
Lãi tiền gửi dự thu	65.753.425	-	-	-
Các khoản khác	-	-	38.473.608	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>4.000.000</i>	-	<i>7.000.000</i>	-
<b>Tổng</b>	<b>88.456.056.434</b>	<b>78.433.505.050</b>	<b>88.476.816.873</b>	<b>-</b>

(\*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết số 01/2012 EFI-HĐHT, số 02/2012 EFI-HĐHT; số 03/2012 EFI-HĐHT; số 04/2012 EFI-HĐHT ngày 23/4/2012 giữa các bên là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha và các cá nhân khác về đầu tư chứng khoán niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13 Mã cổ phiếu LIG.

(\*\*) Phải thu theo hợp đồng hợp tác số 001/2017/HTKD/EFI-A&TCORP, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính chưa có hồ sơ.

(\*\*\*) Các khoản phải thu của Bùi Văn Dũng và Nguyễn Văn Ngọc tại ngày 31/12/2019 nêu trên chiếm hơn 92% tài sản thuần của Công ty hiện đang trong quá trình điều tra của cơ quan pháp luật về vụ án liên quan chưa có kết luận. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản phải thu Bùi Văn Dũng như thuyết minh tại mục 5.7

5.7 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	79.829.400.368	-	79.829.400.368	-
<i>Trong đó:</i>				<i>Quá hạn trên 3 năm</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát				495.895.318
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà				900.000.000
Bùi Văn Dũng				78.433.505.050

5.8 Hàng Tồn kho

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	7.727.273	-	26.377.273	-
<b>Tổng</b>	<b>7.727.273</b>	<b>-</b>	<b>26.377.273</b>	<b>-</b>

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	1.926.934.525	1.926.934.525
Giảm trong năm	587.034.280	587.034.280
Thanh lý, nhượng bán	587.034.280	587.034.280
Số dư tại 31/12/2019	<u>1.339.900.245</u>	<u>1.339.900.245</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	782.436.396	782.436.396
Tăng trong năm	167.487.123	167.487.123
Khấu hao trong năm	167.487.123	167.487.123
Giảm trong năm	587.034.280	587.034.280
Thanh lý, nhượng bán	587.034.280	587.034.280
Số dư tại 31/12/2019	<u>362.889.239</u>	<u>362.889.239</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2019	<u>1.144.498.129</u>	<u>1.144.498.129</u>
Tại 31/12/2019	<u>977.011.006</u>	<u>977.011.006</u>

5.10 Tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Phần mềm máy vi tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	2.160.000.000	2.160.000.000
Số dư tại 31/12/2019	<u>2.160.000.000</u>	<u>2.160.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	30.000.000	30.000.000
Số dư tại 31/12/2019	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2019	<u>2.130.000.000</u>	<u>2.130.000.000</u>
Tại 31/12/2019	<u>2.130.000.000</u>	<u>2.130.000.000</u>

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Phần mềm kế toán là 30.000.000 đồng đã khấu hao hết giá trị và,

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý dạy học bằng tiếng Anh, là phần mềm chương trình "Shapping the way teach English" nhưng hiện nay chưa đưa vào sử dụng nên không trích khấu hao.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**CHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý và khai thác	6.000.000.000	-
Bất động sản EFI		
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	42.863.324.999	42.863.324.999
Công ty cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam (1,2)	41.024.799.999	41.024.799.999
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	350.000.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	350.000.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Bell Torta	388.525.000	(388.525.000)
<b>Tổng</b>	<b>48.863.324.999</b>	<b>(*)</b>
		<b>48.863.324.999</b>
		<b>(*)</b>

(\*) Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi số.

Công ty cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam:

- Hợp đồng chuyển nhượng văn phòng đã được Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội trừ số Ô D11, Lô D phố Duy Tân, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Tp Hà Nội chứng nhận: Bên chuyển nhượng Hợp đồng: Ông Nguyễn Thanh Hà sinh năm 1976, SCMND: 111268753 cấp tại Hà Tây ngày 29/11/2004, Bà Vũ Thị Ngọc Chi vợ Ông Hà sinh năm 1983, SCMND: 111897312 cấp tại Hà Nội ngày 02/8/2011, Bên nhận chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục  
Tài sản chuyển nhượng: Diện tích sàn tầng 15 Tòa nhà Apex Tower – Lô HH3-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, xã Mễ Trì, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội, của Công ty Cổ phần tòa nhà Cavico Việt Nam - Cavico Tower,  
Thời hạn chuyển nhượng từ ngày 01/9/2012 đến ngày 27/12/2055; giá chuyển nhượng 11.500.000.000 đồng.
- Hạch toán chuyển công nợ vay (gốc + lãi) theo biên bản thỏa thuận ngày 4/10/2012, giữa Công ty CP Tòa nhà Cavico và Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục theo đó Công ty CP Tòa nhà Cavico phải thực hiện hợp đồng công chứng chuyển nhượng 3 sàn văn phòng tầng 16,17,18 của tòa nhà Apex Tower. Tổng số tiền chuyển nhượng của từng sàn là 9.841.600.000 VNĐ bao gồm VAT, tổng giá trị chuyển nhượng là 29.524.799.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	38.285.192	15.368.397
<b>Tổng</b>	<b>38.285.192</b>	<b>15.368.397</b>

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	166.801.160	166.801.160	201.808.907	201.808.907
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Trường Sơn Hà Nội	85.800.000	85.800.000	90.622.257	90.622.257
Công ty Cổ phần Đầu tư EXP Việt Nam	167.913.861	167.913.861	163.982.635	163.982.635
Các đối tượng khác	185.461.318	185.461.318	289.110.274	289.110.274
<b>Tổng</b>	<b>605.976.339</b>	<b>605.976.339</b>	<b>745.524.073</b>	<b>745.524.073</b>

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp ngân sách Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
<b>Phải nộp</b>	208.491.196	271.477.577	458.711.163	21.257.610
Thuế giá trị gia tăng	124.375.916	214.590.862	338.966.778	-
Thuế thu nhập cá nhân	84.115.280	53.886.715	116.744.385	21.257.610
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Phải thu</b>	217.605.709	-	7.258.353	224.864.062
Thuế GTGT nộp thừa	-	-	7.258.353	7.258.353
Thuế thu nhập doanh nghiệp	217.605.709	-	-	217.605.709

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.132.024.104</b>	<b>170.240.890</b>
Kinh phí công đoàn	34.598.719	-
Bảo hiểm y tế	-	62.928.695
Bảo hiểm thất nghiệp	-	9.886.810
Phải trả, phải nộp khác	1.097.425.385	97.425.385
Cổ tức phải trả	9.020.000	9.020.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam	58.931.000	58.931.000
Huyện Bá Văn	1.015.000.000	15.000.000
Phải trả khác	14.474.385	14.474.385
<b>Tổng</b>	<b>1.132.024.104</b>	<b>170.240.890</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

5.16 Vay và nợ thuế tài chính

a. Vay	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019		Đơn vị tính VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	-	-	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Công ty CP Chứng khoán FPT	-	-	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
<b>Tổng</b>	-	-	-	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Số có		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần		
Số dư tại 01/01/2018	108.800.000.000	31.454.653.077	(58.434.706.644)	87.013.094.329
Tăng trong năm	-	-	276.509.763	276.509.763
Lãi trong năm	-	-	276.500.267	276.500.267
Phân phối lợi nhuận năm 2017	-	-	9.496	9.496
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>108.800.000.000</b>	<b>31.454.653.077</b>	<b>(58.158.196.881)</b>	<b>87.289.604.092</b>
Số dư tại 01/01/2019	108.800.000.000	31.454.653.077	(133.049.012)	87.289.604.092
Tăng trong năm	-	-	(89.728.660)	(89.728.660)
Lỗ trong năm	-	-	(89.728.660)	(89.728.660)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>108.800.000.000</b>	<b>31.454.653.077</b>	<b>(58.247.925.541)</b>	<b>87.199.875.432</b>

Đơn vị tính: VND



5.17 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

b. **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Giáo dục Phương Nam	12.394.000.000	12.394.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội	10.915.000.000	10.915.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Giáo dục Đà Nẵng	9.345.000.000	9.345.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	76.146.000.000	76.146.000.000
<b>Tổng</b>	<b>108.800.000.000</b>	<b>108.800.000.000</b>

c. **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	108.800.000.000	108.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	108.800.000.000	108.800.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

d. **Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>10.880.000</b>	<b>10.880.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>10.880.000</b>	<b>10.880.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.880.000	10.880.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.880.000</b>	<b>10.880.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.880.000	10.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	7.122.560.000	7.334.318.182
<b>Tổng</b>	<b>7.122.560.000</b>	<b>7.334.318.182</b>

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.134.288.933	6.890.171.104
<b>Tổng</b>	<b>7.134.288.933</b>	<b>6.890.171.104</b>

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	551.315.435	560.057.249
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.249.047.688	1.420.661.100
<b>Tổng</b>	<b>1.800.363.123</b>	<b>1.980.718.349</b>

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí quản lý	2.274.175.063	2.135.851.391
Chi phí nhân viên quản lý	1.186.464.133	1.425.176.876
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.412.172	56.924.426
Chi phí khấu hao TSCĐ	167.487.123	167.487.528
Thuế phí và lệ phí	13.934.849	142.572.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	815.226.832	264.726.081
Chi phí bằng tiền khác	44.649.954	78.963.540
<b>Tổng</b>	<b>2.274.175.063</b>	<b>2.135.851.391</b>

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	210.909.091	-
Thu nhập khác	200.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>410.909.091</b>	<b>-</b>
Chi phí khác		
Chi phí khác	15.096.878	12.513.769
<b>Tổng</b>	<b>15.096.878</b>	<b>12.513.769</b>
<b>Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)</b>	<b>395.812.213</b>	<b>(12.513.769)</b>

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	(89.728.660)	276.500.267
Thu nhập chịu thuế	(89.728.660)	276.500.267
Các khoản giảm thu nhập chịu thuế	1.249.047.688	1.620.661.100
Cổ tức được nhận trong kỳ	1.249.047.688	1.420.661.100
Lợi nhuận từ công ty con	-	200.000.000
Thu nhập tính thuế	(1.338.776.348)	(1.344.160.833)
Thu nhập kinh doanh bất động sản	-	-
Thu nhập hoạt động kinh doanh	(1.338.776.348)	(1.344.160.833)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	-

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.330.478	60.799.430
Chi phí nhân công	3.242.197.350	5.012.321.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.487.123	167.487.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.631.768.221	5.769.183.991
Chi phí khác bằng tiền	315.680.824	238.386.480
<b>Tổng</b>	<b>9.408.463.996</b>	<b>11.248.179.402</b>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

*Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và Cổ đông*

		Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	Thù lao	240.000.000	375.900.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương	341.563.484	335.603.333
<b>Tổng</b>		<b>581.563.484</b>	<b>711.503.333</b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

*Phải thu*

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	Tiền cổ tức	985.645.700	985.645.700

## 6.2 Công cụ tài chính

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

### Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.323.950.674	12.132.020.798
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.086.278.694	11.990.798.207
Đầu tư dài hạn	42.863.324.999	42.863.324.999
<b>Tổng</b>	<b>63.273.554.367</b>	<b>66.986.144.004</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	200.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.738.000.443	915.764.963
<b>Tổng</b>	<b>1.738.000.443</b>	<b>1.115.764.963</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Việc phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ của Công ty là không đáng kể, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không phát sinh các khoản vay chịu lãi suất, do đó, không có rủi ro lãi suất

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có khoản rủi ro không đáng kể với các khách hàng hoặc đối tác và đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả

31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.738.000.443	-	1.738.000.443
01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	200.000.000	-	200.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	915.764.963	-	915.764.963

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.323.950.674	-	9.323.950.674
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.086.278.694	-	11.086.278.694
Đầu tư dài hạn	-	42.863.324.999	42.863.324.999
01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.132.020.798	-	12.132.020.798
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.990.798.207	-	11.990.798.207
Đầu tư dài hạn	-	42.863.324.999	42.863.324.999

6.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network với ý kiến từ chối đưa ra ý kiến.

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Lập biểu



Lê Thị Vân

Kê toán trưởng



Lê Thị Vân

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tài Tùng